

Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Hưng Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST- HNGĐ ngày 14/8/2024 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị Ngọc B**, sinh năm 1992.

**Bị đơn:** Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1990.

Cùng HKTT: Đội 10, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Chị Bích trú tại: Đ, thôn N, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu **Mai Duy B1**, sinh ngày 18/02/2014.

Cháu **Mai Duy L**, sinh ngày 13/01/2018.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu là anh **T** và chị **B** (Bố mẹ đẻ).

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/8/2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trịnh Thị Ngọc B** và anh **Mai Văn T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị Ngọc B** và anh **Mai Văn T** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị **B** và anh **T** có 02 con chung là **Mai Duy B1**, sinh ngày 18/02/2014 và **Mai Duy L**, sinh ngày 13/01/2018. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận anh **T** nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị **B** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu **L** là 1.500.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu **L** đủ 18 tuổi. Cháu **B1** anh **T** tự nguyện không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Chị **B** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh **T** có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu chị **B** không chịu thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về tài sản chung: Đương sự khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị **Trịnh Thị Ngọc B** tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **B** đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu BLTU/24 số 0000503 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị **B** đã nộp đủ án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Hưng Yên;
- UBND xã Liên Phương, TP Hưng Yên (ĐK số 22, quyển số 01 ngày 19/03/2013);
- Chi cục THADS TP Hưng Yên;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Kim Anh**

